CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư Sao Thăng Long

Ngày 31/12/2024	5,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	86.7%	**69.7%**	**55.6%**

DT thuần
Q4/24
31.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.4| 255%
YoY: ▼5.00| -13.9%

LN thuần
Q4/24
-1.41
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.03| -2.5%
YoY: ▼10.6| -115%

LN sau thuế
Q4/24
-0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.24| -120%
YoY: ▼8.35| -100%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
5.8%
YoY: +/-▲ 1.4%

ROE
2024
0.5%
YoY: +/-▲ 0.1%

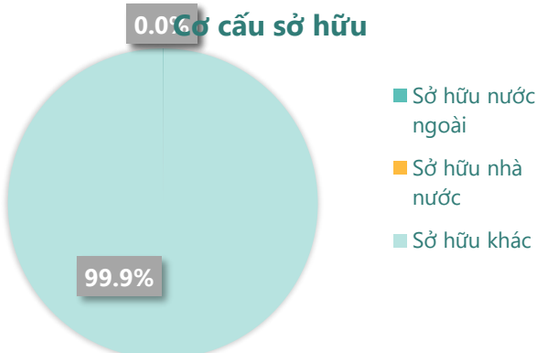
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,900 - 5,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	180
Số lượng CPLH (CP)	32,219,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	592,215
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.46
EPS	58
P/E	95.9

DT thuần
2024
53.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.70| -1.2%

LN thuần
2024
-2.81
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.34| -211%

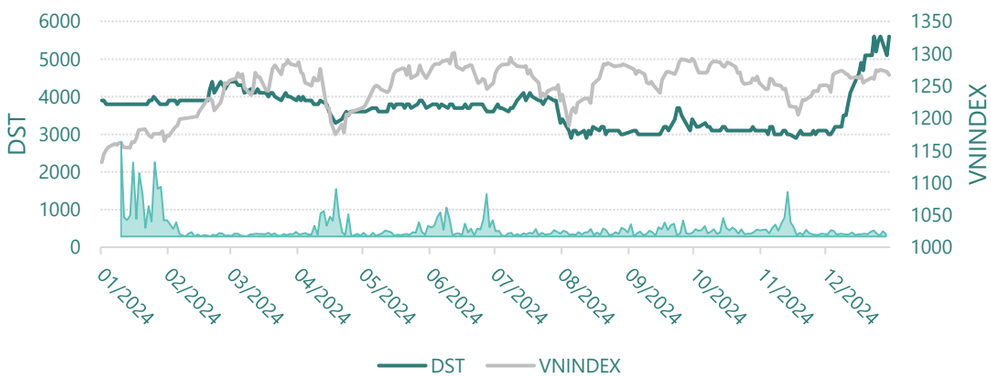
LN sau thuế
2024
1.88
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.34| 21.9%

Cơ cấu sở hữu

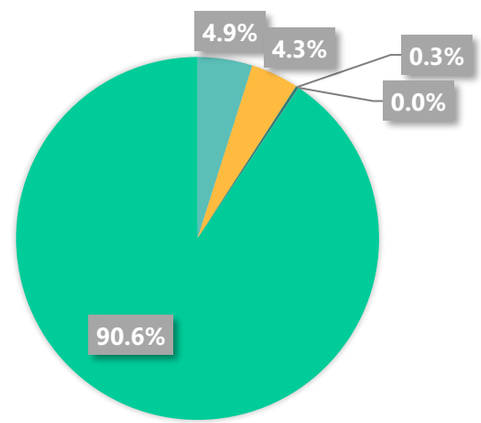


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



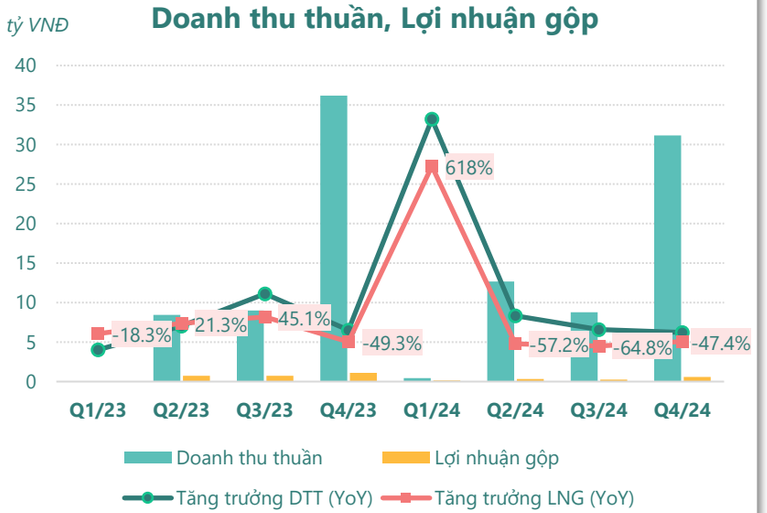
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

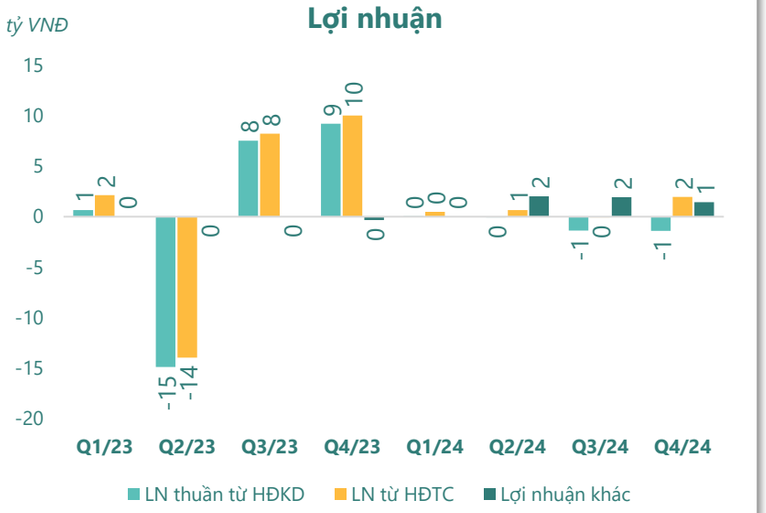
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



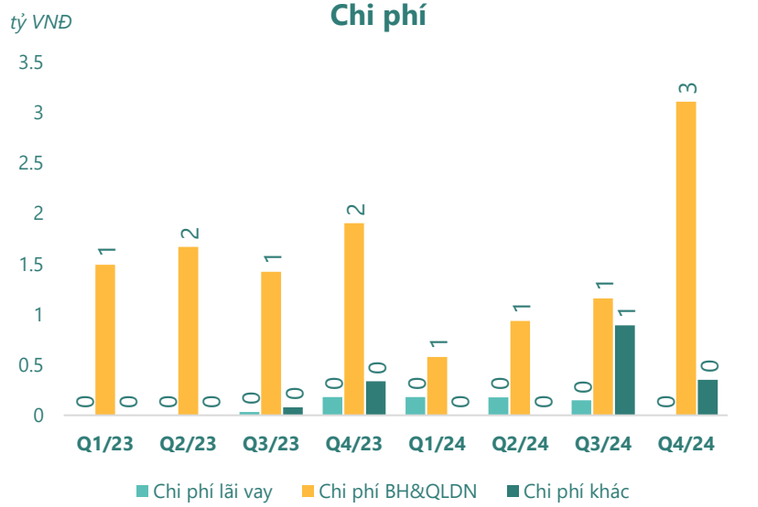
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



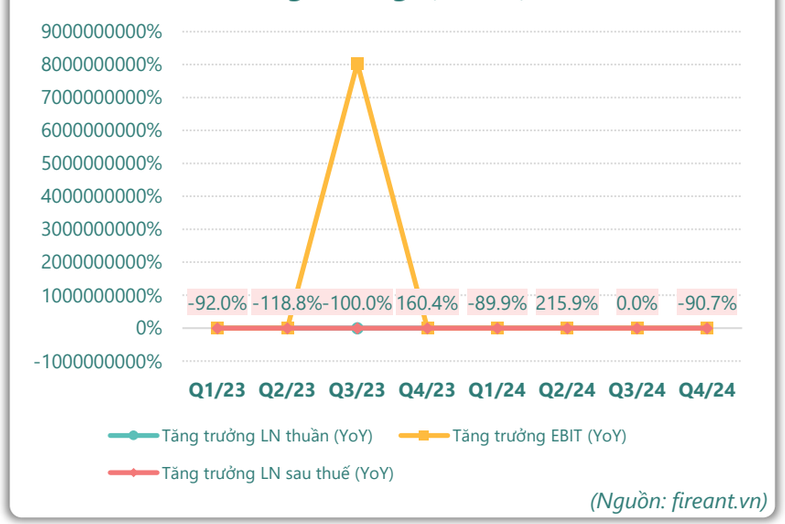
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



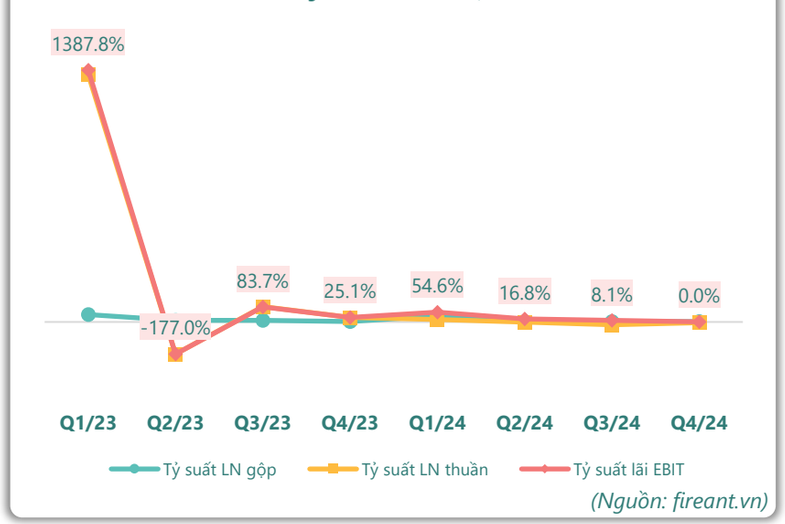
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



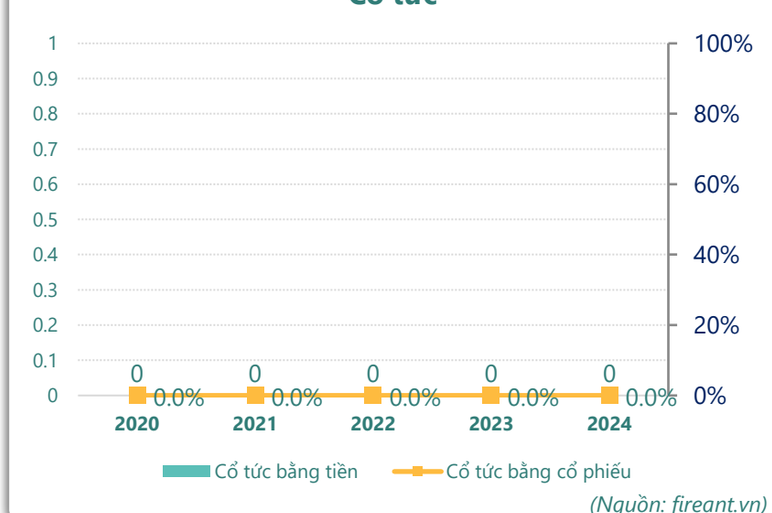
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

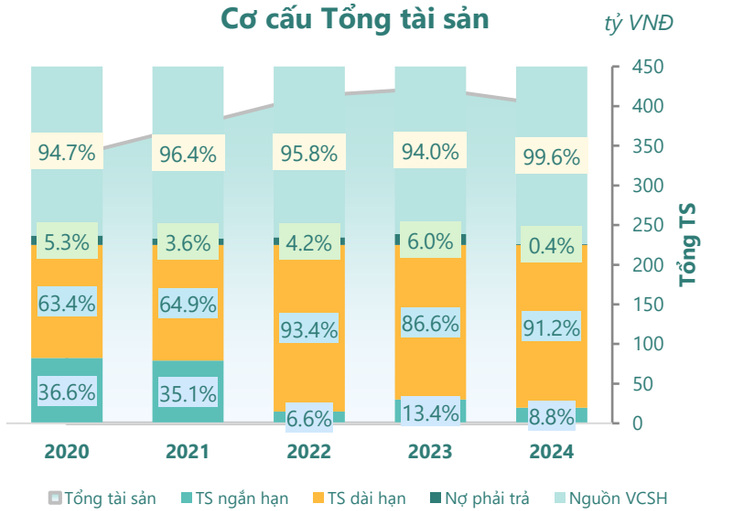
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

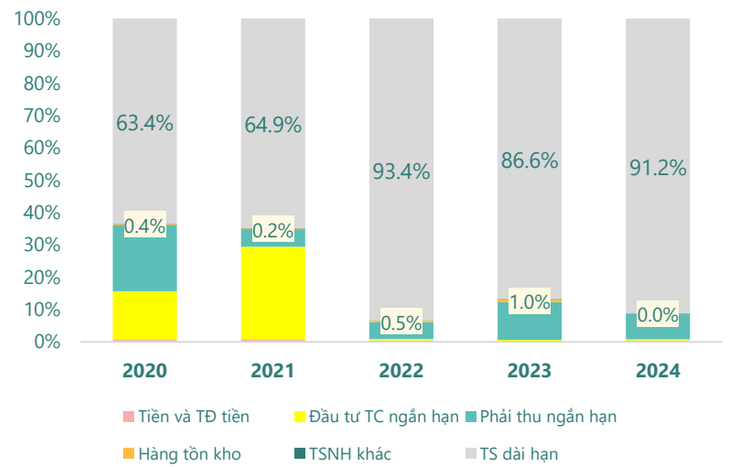
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



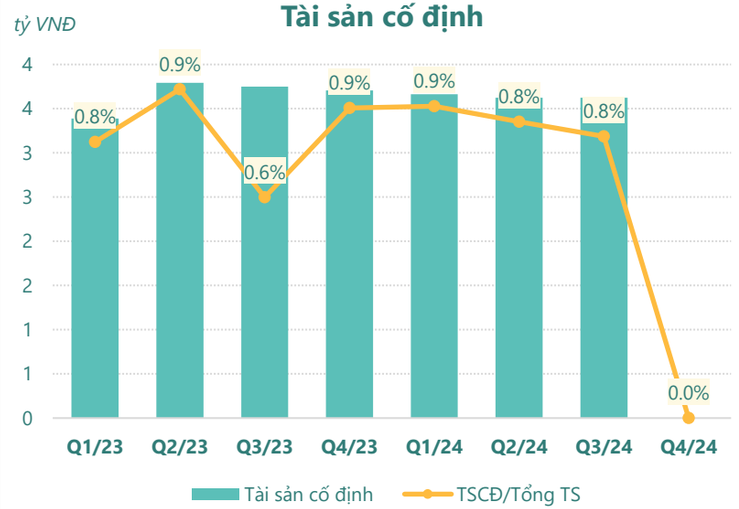
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



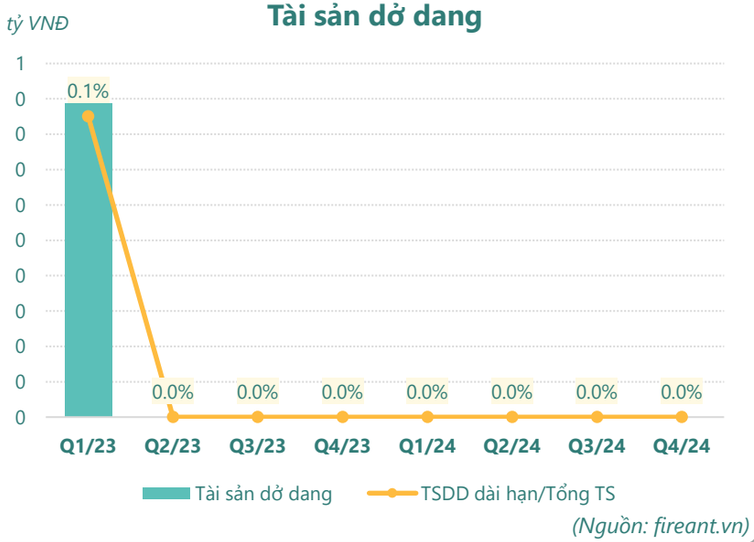
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



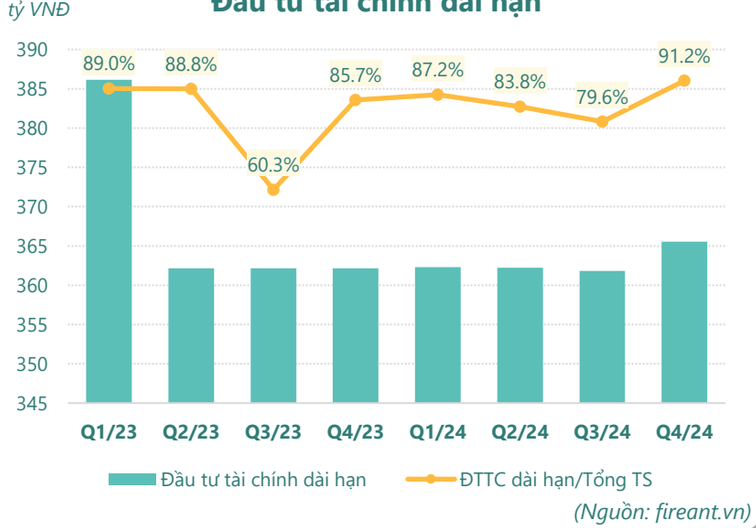
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



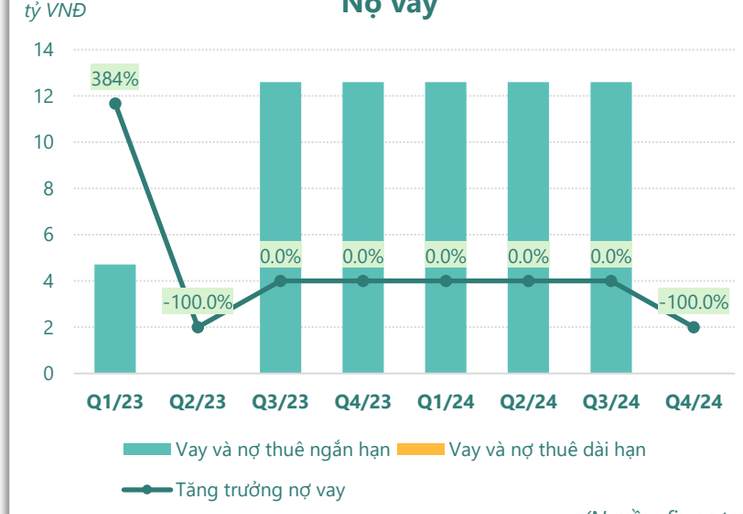
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

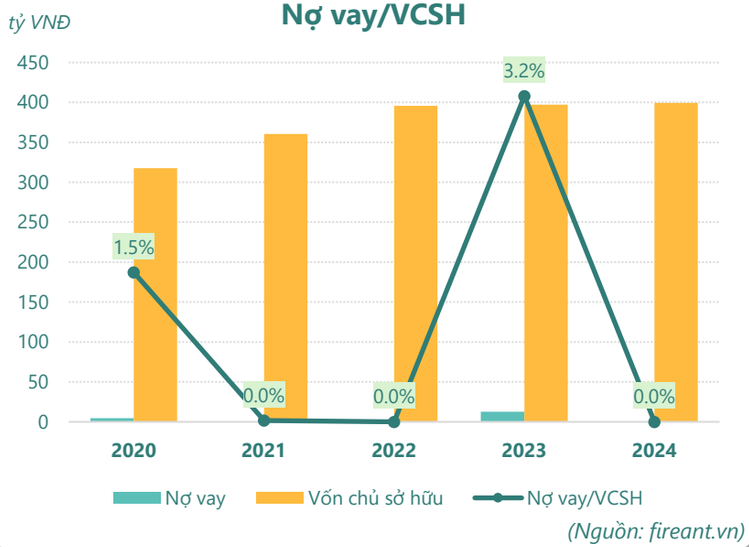
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



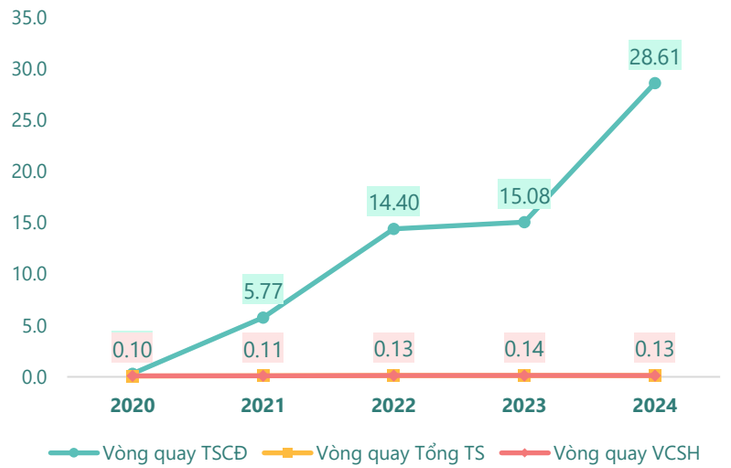
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



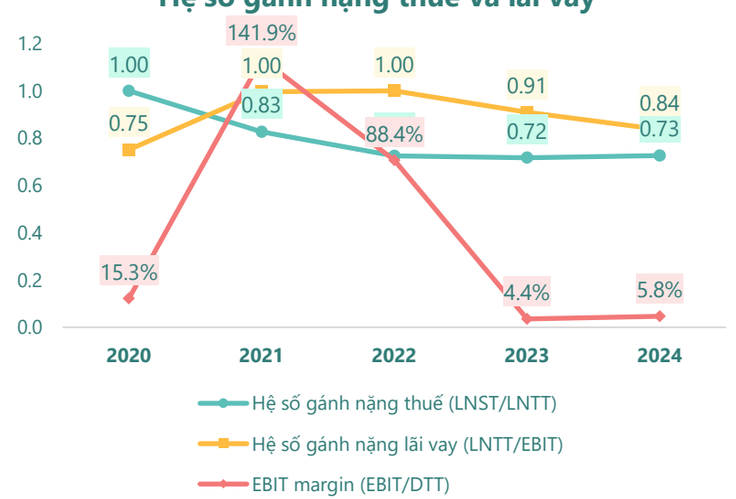
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



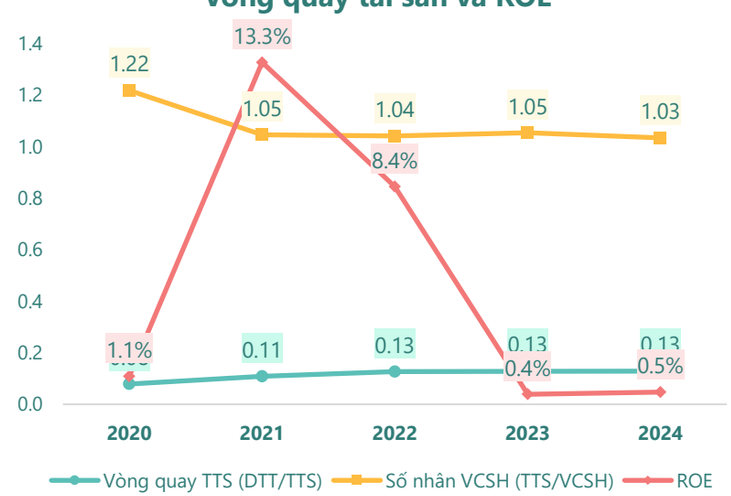
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



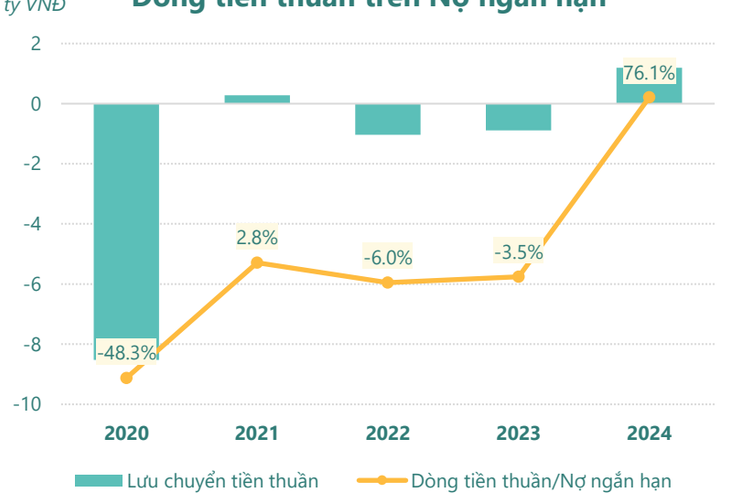
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**31.2**	**36.2**	**-13.9%**	**53.0**	**53.7**	**-1.2%**
Giá vốn hàng bán	30.6	35.1	-12.9%	51.7	51.1	1.2%
Lợi nhuận gộp	0.58	1.10	-47.3%	1.29	2.58	-49.9%
Doanh thu HĐTC	1.85	10.7	-82.8%	3.35	22.9	-85.3%
Chi phí TC	-0.13	0.62	-121%	0.32	16.5	-98.1%
Chi phí lãi vay	0	0.18	-100%	0.51	0.21	136%
LN trong công ty LKLD	**-0.86**	**0.00**		**-1.35**	**0.15**	**-1030%**
Chi phí bán hàng	0.17	0.26	-34.2%	0.50	0.53	-7.3%
Chi phí QLDN	**2.94**	**1.64**	**79.3%**	**5.29**	**5.98**	**-11.6%**
LN thuần từ HĐKD	-1.41	9.23	-115%	-2.81	2.53	-211%
Lợi nhuận khác	**1.43**	**-0.34**	**520%**	**5.40**	**-0.38**	**1528%**
LN trước thuế	0.01	8.89	-99.8%	2.59	2.15	20.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.04**	**8.31**	**-100%**	**1.88**	**1.54**	**21.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.04**	**8.31**	**-100%**	**1.88**	**1.54**	**21.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.4	17.8	-0.57	0.42	-0.26	40.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.0	-17.3	0.00	0.70	-0.70	-26.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	13.1	-0.53	0	0	0	-12.6
Tiền đầu kỳ	0.49	0.97	0.97	0.40	1.51	0.55
Lưu chuyển tiền thuần	**0.49**	**0.00**	**-0.57**	**1.12**	**-0.96**	**1.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.97	0.97	0.40	1.51	0.55	1.69

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**401**	**422**	**-5.1%**
Tài sản ngắn hạn	35.4	56.4	-37.3%
Tiền và tương đương tiền	1.69	0.97	73.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.73	1.53	13.3%
Phải thu ngắn hạn	31.8	49.4	-35.5%
Hàng tồn kho	0	4.39	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.17	-33.8%
Tài sản dài hạn	**366**	**366**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	3.71	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	366	362	0.9%
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0.02**	**-1.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.58	25.3	-93.7%
Nợ ngắn hạn	**1.57**	**25.3**	**-93.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	12.6	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.22	5.84	-96.2%
Nợ dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**399**	**397**	**0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**399**	**397**	**0.6%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)